

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/KDTM-ST
Ngày 28-12-2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh
2. Bà Phạm Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2017/TLST-KDTM ngày 16/10/2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST-KDTM ngày 20-11-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-KDTM ngày 14-12-2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn MIS VN

Địa chỉ: đường x, Phường y, Quận z, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Kimura Shinichi, cư trú tại đường x, Phường y, Quận z, Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chức vụ: Tổng Giám đốc) (Vắng mặt)

Bà Hoàng Mỹ Hoa, trú tại: đường x, Phường y, Quận z, Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 24-7-2017). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: Khu công nghiệp MX , huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông DVBR, trú tại Khu công nghiệp MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Từ cuối năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn MIS VN (Sau đây gọi tắt là Công ty MIS) và Công ty cổ phần thép Q(Sau đây gọi tắt là Công ty Q) cùng ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo nội dung các hợp đồng đã ký kết, Công ty MIS có nghĩa vụ bán các loại thép chưa gia công và các nguyên liệu để gia công thép cho phía Công ty Q. Sau khi, Công ty Q nhận hàng hóa và hóa đơn chứng từ thì trong thời hạn 60 ngày, Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho bên Công ty MIS. Cụ thể như sau:

Ngày 11/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14216. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001786 với số tiền 202.667.901 đồng.

Ngày 11/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14220. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001751 với số tiền 303.007.271 đồng.

Ngày 15/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14240. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001798 với số tiền 201.450.829 đồng.

Ngày 15/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14222. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0002052 với số tiền 699.957.529 đồng.

Ngày 28/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14237. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0002107 với số tiền 769.638.827 đồng.

Ngày 28/11/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14242. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001995 với số tiền 1.582.208.272 đồng.

Ngày 10/12/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14250. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001949 với số tiền 421.445.200 đồng.

Ngày 24/12/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14266. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001939 với số tiền 316.011.190 đồng.

Ngày 26/12/2014, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 14271. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0001932 với số tiền 379.448.495 đồng.

Ngày 09/01/2015, Công ty MIS và Công ty Q ký hợp đồng kinh tế số 15007. Công ty Q đã nhận đủ hàng hóa và hóa đơn số 0002026 với số tiền 169.391.276 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, bao gồm việc giao hàng đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian. Hai bên cũng đã thỏa thuận việc thanh toán được thực hiện theo từng lần giao hàng, với thời hạn là trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng. Tuy nhiên, Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền là 4.878.175.310 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm mười đồng*)

Tại đơn khởi kiện: Công ty MIS đề nghị Tòa án buộc Công ty Q phải thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng là 4.878.175.310 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm mười đồng*);

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty MIS tự nguyện xin rút yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền lãi chậm trả của khoản tiền nêu trên.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty Q không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần thép Quatron, trụ sở: Khu công nghiệp MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền nợ lương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm

quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ phần thép Qcó trụ sở tại Khu công nghiệp MX , huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông DVBR, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Theo Công văn số 973/ĐLTT-KĐĐN ngày 03-7-2017 của Điện lực Tân Thành trả lời do Công ty Q nợ tiền điện nên đã bị ngừng cung cấp điện vào ngày 11-11-2016, Công văn số 01/2017/CV-HL ngày 03-7-2017 của Công ty CP dịch vụ và bảo vệ - vệ sĩ Huỳnh Long, là công ty bảo vệ cho Công ty Q, xác nhận Công ty Q ngưng hoạt động từ ngày 14-11-2016, Công văn số 411/BQL-ĐT ngày 03-4-2017 của Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO và Biên bản xác minh tại Đoàn công an khu công nghiệp Phú Mỹ thì Công ty Q tự ngưng hoạt động và không thông báo gì đến cơ quan chức năng.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty Q là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án:

Quá trình tố tụng, bà Hoàng Mỹ H được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, không bị rút hay thay đổi nên được tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

[4] Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty MIS và Công ty Q đã ký các hợp đồng kinh tế, về cung cấp sản phẩm là thép chưa gia công và các nguyên liệu để gia công thép. Do đến nay, Công ty Q không thanh toán số tiền mua hàng nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa :

Khi giao kết hợp đồng, Công ty MIS và Công ty Q được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Các Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa là thép và mặt hàng cơ khí thép không

nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

Do đó các hợp đồng giữa Công ty MIS và Công ty Q được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là các hợp đồng kinh tế, các biên bản giao nhận hàng hóa và các hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty MIS và Công ty Q là đúng sự thật và đúng như phía nguyên đơn đã trình bày. Đồng thời theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty MIS đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa được quy định tại Điều 34, 35, 36, 37 Luật thương mại nên phía Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại. Tại Văn bản xác nhận công nợ ngày ngày 31/7/2016, Công ty Q xác nhận còn nợ Công ty MIS số tiền là 4.878.175.310 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười đồng*).

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty Q phải thanh toán số tiền còn nợ là 4.878.175.310 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười đồng*) cho phía Công ty MIS

Do Công ty MIS tự nguyện rút yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty Q không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty MIS.

Công ty cổ phần Quatron phải nộp: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1 \% \times 878.175.310 \text{ đồng} = 112.878.175$ (Một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 292 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn MIS VN đối với Công ty cổ phần thép Q về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

1. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn MIS VN số tiền 4.878.175.310 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu Công ty Q trả tiền lãi do chậm thanh toán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty cổ phần thép Q phải nộp 112.878.175 (Một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn MIS VN là 56.439.000 (Năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008075 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc